|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂNTHÀNH PHỐ HÀ NỘI-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: ……../QĐ-UBND | *Hà Nội, ngày ….. tháng … năm 2025* |

**DỰ THẢO**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định về phân cấp và trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 28/6/2020;*

*Căn cứ Luật Phòng cháy chữa cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ ngày 29/11/2024;*

*Căn cứ Luật Đường sắt ngày 27/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;*

*Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng Hà Nội tại Tờ trình số ……./TTr- SXD ngày …../ /2025 về việc ban hành Quy định về phân cấp và trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phân cấp và trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 33/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hà Nội về Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch UBND các phường, xã; các chủ đầu tư, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Như Điều 3;- Các Bộ: Xây dựng, Tư pháp, Công Thương, NN&MT, Công an;- Thường trực Thành ủy;- Thường trực HĐND TP;- Chủ tịch UBND Thành phố;- Các đ/c PCT UBND Thành phố;- Văn phòng Thành ủy HN;- Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND TP HN;- VPUBTP: CVP/các PCVP các Phòng thuộc VP UBND TP;- Trung tâm tin học-Công báo;- Cổng thông tin điện tử TP;- Lưu: VT, ĐT.  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂNKT. CHỦ TỊCHPHÓ CHỦ TỊCH****Dương Đức Tuấn** |

**QUY ĐỊNH**

**Về phân cấp và trách nhiệm trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội**

 *(Kèm theo Quyết định số: ……./2025/QĐ-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này Quy định về phân cấp và trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với các Sở, Ban, Ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường (viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã), Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp xã; chủ đầu tư, nhà đầu tư, các nhà thầu trong nước và nước ngoài, chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình, các tổ chức và cá nhân có liên quan đến công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trong phạm vi địa giới hành chính thành phố Hà Nội.

**Chương II**

**PHÂN CẤP QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

**Điều 3. Phân cấp quản lý nhà nước, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng**

Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện các chức năng quản lý nhà nước, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng đối với các công trình xây dựng từ cấp II trở xuống sử dụng vốn đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư hoặc được phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật (trừ công trình xử lý chất thải rắn theo khoản 3 Mục III Phụ lục I Phân loại công trình theo công năng sử dụng, ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP).

**Điều 4. Phân cấp giải quyết sự cố công trình, đánh giá an toàn công trình, xử lý công trình hết thời hạn sử dụng, công bố công trình hết thời hạn sử dụng**

1. Ủy ban nhân dân cấp xã giải quyết sự cố công trình cấp II, III trên địa bàn quản lý.

2. Việc đánh giá an toàn công trình, xử lý công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng, xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế đối với các công trình xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn quản lý thực hiện; Trường hợp công trình xây dựng nằm trên địa bàn 02 xã (phường), hoặc trên địa bàn 02 tỉnh trở lên thì các nội dung trên do chủ đầu tư, chủ sở hữu, người quản lý có thể lựa chọn 01 xã, phường để gửi yêu cầu thực hiện.

3. Công bố công trình xây dựng hết thời hạn sử dụng quy định tại Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

**Chương III**

**TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

**Điều 5. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng**

1. Công trình xây dựng phải được cơ quan chuyên môn về xây dựng có thẩm quyền theo phân cấp kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng trước khi chủ đầu tư đưa công trình vào sử dụng, bao gồm các công trình được quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng (sau đây gọi là Nghị định số 06/2021/NĐ-CP).

2. Thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng được quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản a điểm 6 Điều 11 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng (sau đây gọi là Nghị định số 35/2023/NĐ-CP), điểm a khoản 1 Điều 123 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng (sau đây gọi là Nghị định số 175/2024/NĐ-CP); khoản 1 Điều 13 Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng (sau đây gọi là Nghị định số 144/2025/NĐ-CP), khoản 5 Điều 6, khoản 3 Điều 7, khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 9, khoản 3 Điều 11 của Quy định này.

3. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình gồm nhiều công trình, hạng mục công trình có loại và cấp khác nhau (theo Phụ lục số I. Phân loại công trình theo công năng sử dụng (đã được sửa đổi bổ sung tại điểm b khoản 1 Điều 123 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP); phân loại, phân cấp công trình theo khoản 1, 4 Điều 53 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP) thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này, thì cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện kiểm tra là cơ quan có trách nhiệm thực hiện kiểm tra đối với công trình, hạng mục công trình chính có cấp cao nhất của dự án đầu tư xây dựng công trình. Cơ quan chuyên môn về xây dựng chuyên ngành phối hợp kiểm tra khi được cơ quan chủ trì mời tham gia, có ý kiến bằng văn bản và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra do mình thực hiện.

4. Đối với công trình xây dựng quy định tại khoản 1 Điều này thì cơ quan có thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng quy định tại khoản 3 Điều này và chủ đầu tư thực hiện theo nội dung kiểm tra, trình tự kiểm tra, chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình được quy định tại khoản 4, 5, 6, 8 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 6 Điều 11 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP).

5. Nội dung kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy của cơ quan chuyên môn về xây dựng được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 18 Luật Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ năm 2024; khoản 5 Điều 6, Điều 11 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

**Điều 6. Trách nhiệm của Sở Xây dựng**

Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân Thành phố thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trong phạm vi địa giới hành chính thành phố Hà Nội, có trách nhiệm:

1. Trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

2. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

3. Kiểm tra định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất về công tác quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng chuyên ngành của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình trên địa bàn.

4. Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý nhà nước về chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở, dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng, dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp nhẹ, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông theo quy định tại điểm a,b khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, chi tiết phân loại công trình theo Phụ lục I Phân loại công trình theo công năng sử dụng, ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, tại: Mục I; khoản 1, khoản 7 Mục II; Mục III; Mục IV.

5. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của các cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại điểm a, b và điểm d khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản a Điều 11 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP, điểm a khoản 1 Điều 123 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, khoản 1 Điều 13 Nghị định số 144/2025/NĐ-CP), công trình thuộc trách nhiệm quản lý của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và Khu công nghiệp thành phố Hà Nội theo quy định khoản 3 Điều 9 và công trình thuộc trách nhiệm của phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp xã theo quy định khoản 3 Điều 11 của Quy định này:

a) Công trình sử dụng vốn đầu tư công cấp đặc biệt, cấp I trở xuống trên địa bàn Thành phố, bao gồm các loại công trình tại khoản 4 Điều này và không bao gồm các loại công trình tại khoản 3 Điều 9, khoản 3 Điều 11 Quy định này;

b) Công trình thuộc Danh mục công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng quy định tại Mục I, khoản II.1 và II.7 Mục II, Mục III, Mục IV Phụ lục III kèm theo Nghị định số 144/2025/NĐ-CP và không bao gồm các loại công trình quy định tại khoản 3 Điều 9 Quy định này.

6. Giám định xây dựng, giám định sự cố công trình xây dựng theo quy định tại Điều 12 của Quy định này.

7. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân Thành phố điều tra, giải quyết sự cố về máy, thiết bị theo quy định tại khoản 1 Điều 13 của Quy định này.

8. Báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố định kỳ, đột xuất về việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn.

9. Tham gia kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng trên địa bàn do Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình chuyên ngành chủ trì và tham gia Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng trên địa bàn khi có yêu cầu.

10. Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn định kỳ hàng năm (trước ngày 20 tháng 12) và đột xuất; báo cáo danh sách các nhà thầu vi phạm quy định về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn.

**Điều 7. Trách nhiệm của Sở Công Thương**

1. Thực hiện quy định tại khoản 1, 2, 3, 6, 7, 8, 9 Điều 6 của Quy định này đối với công trình chuyên ngành do mình quản lý.

2. Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý nhà nước về chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình gồm: công trình sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp theo quy định tại Mục II Phụ lục I Phân loại công trình theo công năng sử dụng, ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi bổ sung tại điểm b khoản 1 Điều 123 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP), không bao gồm các công trình thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng tại khoản 4 Điều 6, thuộc trách nhiệm quản lý của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và Khu công nghiệp thành phố Hà Nội theo quy định khoản 3 Điều 9, công trình thuộc trách nhiệm quant lý của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định khoản Điều 3 của Quy định này.

3. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của các cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại điểm a, b và điểm d khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản a Điều 11 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP, điểm a khoản 1 Điều 123 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP):

a) Công trình sử dụng vốn đầu tư công cấp đặc biệt, cấp I trở xuống trên địa bàn Thành phố, bao gồm các loại công trình tại khoản 2 Điều này và không bao gồm các loại công trình tại khoản 3 Điều 9, khoản 3 Điều 11 Quy định này;

b) Công trình thuộc Danh mục công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng quy định tại khoản II.2, II.3, II.4, II.5, II.6 Mục II Phụ lục III kèm theo Nghị định số 144/2025/NĐ-CP, bao gồm các loại công trình tại khoản 2 Điều này và không bao gồm các loại công trình quy định tại khoản 3 Điều 9 Quy định này;

4. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Xây dựng định kỳ hàng năm vào ngày 10 tháng 12 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý trên địa bàn.

**Điều 8. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường**

1. Thực hiện quy định tại khoản 1, 2, 3, 6, 7, 8, 9 Điều 6 của Quy định này đối với công trình chuyên ngành do mình quản lý.

2. Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý nhà nước về chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình gồm: công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định tại Mục V Phụ lục I Phân loại công trình theo công năng sử dụng, ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, không bao gồm các công trình thuộc trách nhiệm quản lý của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và Khu công nghiệp thành phố Hà Nội theo quy định khoản 3 Điều 9, công trình thuộc trách nhiệm quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định khoản Điều 3 của Quy định này.

3. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của các cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại điểm a, b và điểm d khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản a Điều 11 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP, điểm a khoản 1 Điều 123 Nghị định số 175/2024//NĐ-CP):

a) Công trình sử dụng vốn đầu tư công cấp đặc biệt, cấp I trở xuống trên địa bàn Thành phố, bao gồm các loại công trình tại khoản 2 Điều này và không bao gồm các loại công trình tại khoản 3 Điều 9, khoản 3 Điều 11 Quy định này;

b) Công trình thuộc Danh mục công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng quy định tại Mục V Phụ lục III kèm theo Nghị định số 144/2025/NĐ-CP, bao gồm các loại công trình tại khoản 2 Điều này và không bao gồm các loại công trình quy định tại khoản 3 Điều 9 Quy định này;

4. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Xây dựng định kỳ hàng năm vào ngày 10 tháng 12 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý trên địa bàn.

**Điều 9. Trách nhiệm của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và Khu công nghiệp thành phố Hà Nội**

1. Thực hiện quy định tại khoản 1, 2, 3, 6, 7, 8, 9 Điều 6 của Quy định này đối với công trình chuyên ngành do mình quản lý.

2. Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý nhà nước về chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc phạm vi quản lý trong khu công nghệ cao, khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng thuộc phạm vi các khu công nghệ cao, khu công nghiệp do mình quản lý trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của các cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại điểm a, b và điểm d khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản a Điều 11 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP, điểm a khoản 1 Điều 123 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP):

a) Công trình sử dụng vốn đầu tư công cấp đặc biệt, cấp I trở xuống bao gồm các loại công trình tại khoản 2 Điều này;

b) Công trình xây dựng trên địa bàn các khu công nghệ cao, khu công nghiệp do mình quản lý thuộc Danh mục công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 144/2025/NĐ-CP, bao gồm các loại công trình tại khoản 2 Điều này.

4. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Xây dựng định kỳ hàng năm vào ngày 10 tháng 12 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý trên địa bàn.

**Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Tổ chức thực hiện và tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

2. Tiếp nhận, xác nhận thông báo khởi công của chủ đầu tư đối với các công trình xây dựng trên địa bàn theo quy định tại khoản 38 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; kiểm tra quá trình thi công công trình theo nội dung giấy phép xây dựng, biển báo công trường, các điều kiện đảm bảo vệ sinh môi trường như: hàng rào thi công, màn che công trình, thoát nước thi công, giải pháp thu gom nước thải, phế thải xây dựng, nhà vệ sinh tạm thời, giấy phép sử dụng tạm thời hè, đường.

3. Lập danh mục, theo dõi các công trình khởi công xây dựng trên địa bàn xã, phường, định kỳ 6 tháng/1 lần báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố thông qua Sở Xây dựng để tổng hợp, theo dõi, kiểm tra.

4. Tổ chức kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất việc tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng do mình quản lý được quy định Điều 3 của Quy định này.

5. Phối hợp với Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban Quản lý Khu công nghệ cao và Khu công nghiệp thành phố Hà Nội kiểm tra công trình xây dựng trên địa bàn khi được yêu cầu.

6. Tổ chức rà soát các công trình thuộc đối tượng đánh giá an toàn công trình trên địa bàn theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này.

7. Xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này.

8. Xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng theo theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này.

9. Tiếp nhận báo cáo sự cố của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình, đồng thời ngay sau khi nhận được thông tin phải báo cáo cho Ủy ban nhân dân Thành phố về sự cố theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, khoản 3 Điều 7 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP.

10. Giám định xây dựng, giải quyết sự cố công trình xây dựng cấp II, III trên địa bàn trừ trường hợp quy định tại điểm b,c khoản 2 Điều 6 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

11. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân Thành phố điều tra, giải quyết sự cố về máy, thiết bị theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Quy định này.

12. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và Sở Xây dựng định kỳ hàng năm vào ngày 10 tháng 12 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn.

**Điều 11. Trách nhiệm của phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp xã**

1. Trình Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành các văn bản triển khai thực hiện công tác quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn.

2. Giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quy định tại khoản 1 đến khoản 12 Điều 10 Quy định này.

3. Kiểm tra công tác nghiệm thu các công trình xây dựng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được phân cấp quản lý theo quy định tại Điều 3 Quy định này.

**Điều 12. Trách nhiệm giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng**

Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban Quản lý Khu công nghệ cao và Khu công nghiệp thành phố Hà Nội tham mưu giúp Ủy ban nhân dân Thành phố giám định nguyên nhân sự cố công trình cấp I đối với công trình xây dựng chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý được quy định tại khoản 4 Điều 6, khoản 2 Điều 7, khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 9, khoản 2 Điều 11 của Quy định này; Phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp xã giúp Ủy ban nhân dân cấp xã giám định sự cố công trình cấp II, III trên địa bàn quản lý.

**Điều 13. Trách nhiệm giải quyết sự cố về máy, thiết bị**

1. Các Sở quản lý công trình chuyên ngành, Ban Quản lý Khu công nghệ cao và Khu công nghiệp thành phố Hà Nội tham mưu giúp Ủy ban nhân dân Thành phố điều tra, giải quyết sự cố về máy, thiết bị theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 50 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP đối với công trình xây dựng chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý được quy định tại khoản 4 Điều 6, khoản 2 Điều 7, khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 9, khoản 2 Điều 11 của Quy định này, trừ trường hợp quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 50 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã giúp Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc giải quyết sự cố về máy, thiết bị theo quy định tại khoản 4, 5 Điều 49 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

**Chương IV**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp**

Việc xử lý chuyển tiếp được thực hiện theo điều 53 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP được sửa đổi tại: khoản 7 Điều 16 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP, điểm b khoản 19 Điều 122 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, khoản 2 Điều 47 Nghị định số 144/2025/NĐ-CP.

Các công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu khi hoàn thành xây dựng trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thì thực hiện theo nội dung quy định tại Quyết định số 33/2021/QĐ-UBND và các quy định có liên quan. Các công trình chưa được cơ quan chuyên môn về xây dựng tổ chức nghiệm thu khi hoàn thành xây dựng từ ngày Quyết định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại Quyết định này và các quy định có liên quan.

**Điều 15. Tổ chức thực hiện**

1. Thủ trưởng các sở, ngành: Xây dựng; Công Thương; Nông nghiệp và Môi trường; Ban Quản lý Khu công nghệ cao và Khu công nghiệp thành phố Hà Nội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; chủ đầu tư; nhà đầu tư; các nhà thầu trong nước và nước ngoài; các tổ chức và cá nhân có liên quan đến công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định của Nhà nước và Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp cơ quan nhà nước cấp trên ban hành các văn bản có quy định khác nội dung tại Quy định này thì thực hiện theo văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên ban hành. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh thông qua Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo với Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.